TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH HÀ GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2019/DS-ST
Ngày 16 - 9 - 2019.
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ GIANG, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Thanh Bình
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Đinh Văn Thân
2. Bà Cam Thị Tuân

- Thư ký phiên toà: Ông Đinh Hoàng Trung - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Hà Giang.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang tham gia phiên toà: Bà Lò Thị Hồng Vân.

Ngày 16 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2019/TLST- KDTM, ngày 12 tháng 4 năm 2019 về viêc: Tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2019/QĐXXST-DSTC ngày 13 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2019/QDST-DSTC ngày 29/8/2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Ngân hàng TMCP CT - Chi nhánh H; địa chỉ: Tổ 08, phường T, TP H, tỉnh Hà Giang; ĐD theo ủy quyền: Ông Nguyễn Bình T - Phó Giám đốc, có mặt.

2. *Bị đơn*: Ông Nguyễn Thế A và bà Nguyễn Thị V; địa chỉ: Tổ 15, phường Minh K, TP. H, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/4/2019 và quá trình giải quyết, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần CT - Chi nhánh H (sau đây viết tắt ngân hàng

TMCP CT) trình bày: Ngày 22/8/2017 ngân hàng TMCP CT và ông Nguyễn Thế A cùng ký hợp đồng tín dụng số 195054/69-NTA/2017-HDCVHM/NHCT195. Theo nội dung của hợp đồng, Ngân hàng TMCP CT cho ông A và bà V vay số tiền 400.000.000đ, (*Bốn trăm triệu đồng*) thời hạn cho vay 12 tháng, từ ngày 22/8/2017 đến ngày 22/8/2018; lãi suất 9.5 %/năm có điều chỉnh lãi suất theo định kỳ theo quy định của ngân hàng; mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh linh phụ kiện máy tính, sửa chữa máy vi tính.

Toàn bộ khoản vay trên được ông A và bà V thế chấp bằng Quyền sử dụng đất số CB081801 cấp ngày 30/5/2017 cho ông A bà V; số thửa 428, tờ BĐ số 12, diện tích đất 102,4m^2, loại đất ở đô thị, địa chỉ thửa đất tổ 15, phường Minh K, TP H. Theo hợp đồng thế chấp số 195054/69-NTA/2017/HĐTC ngày 22/8/2017 được ký kết giữa NHTMCP CT phòng Giao dịch Trần P với ông A và bà V.

Sau khi đến hạn thanh toán nợ ông A và bà V đã không trả nợ cho ngân hàng như thỏa thuận và bỏ đi khỏi nơi cư trú. NH TMCP CT đã nhiều lần liên hệ gia đình ông A đề nghị gia đình liên lạc giúp và thông báo cho ông A và bà V về việc thực hiện trách nhiệm trả nợ cho ngân hàng nhưng không có kết quả. Đến nay, gia đình ông A cũng không biết vợ chồng ông A bà V ở đâu, dẫn đến việc ngân hàng không thu hồi số tiền cho vay và xử lý tài sản thế chấp.

Do đó, NH TMCP CT đề nghị Tòa án nhân dân thành phố H giải quyết buộc ông A bà V phải trả toàn bộ số tiền nợ gốc là 399.942.466đ và lãi suất tính đến ngày xét xử 16/9/2019 gồm: Lãi trong hạn là 46.185.136đ; lãi quá hạn 20.854.550đ; tổng số nợ gốc và lãi là 466.982.152đ (*Bốn trăm sáu mươi sáu triệu chín trăm tám mươi hai nghìn một trăm năm mươi hai đồng*). Trường hợp ông A và bà V không thực hiện việc trả nợ, ngân hàng sẽ đề nghị cơ quan có thẩm quyền thi hành án tiến hành kê biên bán tài sản bảo đảm để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

* Bị đơn ông A và bà V: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập ông A bà V đến Tòa án để giải quyết vụ án theo địa chỉ do nguyên đơn cung cấp nhưng qua xác minh, tại tổ nhân dân tổ 15, phường Minh K, Công an phường Minh K, thành phố H cung cấp hiện nay ông A bà V đi khỏi nơi cư trú không có mặt tại địa bàn nơi cư trú. Khi đi ông A và bà V không thông báo về việc thay đổi nơi cư trú, không báo tạm vắng nên chính quyền địa phương không biết hiện nay ông bà đang cư trú ở đâu.

Tòa án nhân dân thành phố Hà Giang đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự và tiến hành giải quyết, xét xử vụ án theo quy định chung.

Theo kết quả thẩm định tại chỗ, vẽ sơ đồ của Tòa án nhân dân thành phố Hà Giang ngày 08/8/2019 đối với diện tích đất của ông A bà V đã dùng để thế chấp tại ngân hàng xác định cụ thể: 01 mảnh đất phía Nam giáp đường bê tông dân sinh rộng 4m; phía Bắc giáp đất nhà ông K chiều rộng đoạn (1) là 6,28m, đoạn (2) là 1,8m; phía Đông giấp đất nhà ông T dài 13,4m; phía Tây giáp thửa số 419 dài 17,65m; tổng diện tích đất 102,4m^2; thửa số 428, tờ bản đồ địa chính số 12; địa chỉ

thửa đất: Tổ 15, phường Minh K, thành Phố H, tỉnh Hà Giang, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 081801 ngày 30/5/2017 mang tên ông A và bà V. Trên đất có 01 cây mít đường kính khoảng 15cm.

Theo biên bản định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản thành phố H ngày 08/8/2019 đã xác định diện tích 102,4m^2 có giá trị là 512.000.000đ; 01 cây mít có giá trị là 220.000đ. Tổng giá trị tài sản là 512.220.000đ (*Năm trăm mười hai triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng*)

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án buộc ông A và bà V hoàn trả số tiền gốc là 399.942.466đ và lãi suất tính đến ngày xét xử 16/9/2019 gồm: Lãi trong hạn là 46.185.136đ; lãi quá hạn 20.854.550đ; tổng số nợ gốc và lãi là 466.982.152đ (*Bốn trăm sáu mươi sáu triệu chín trăm tám mươi hai nghìn một trăm năm mươi hai đồng*). Trường hợp ông A và bà V không thực hiện việc trả nợ, ngân hàng sẽ đề nghị cơ quan có thẩm quyền thi hành án tiến hành kê biên bán tài sản bảo đảm để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Giang:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự trong qúa trình giải quyết vụ án. Xác minh thu thập chứ cứ đầy đủ, thông báo cho Viện Kiểm sát về việc Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử, ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn, cấp tống đạt văn bản tố tụng đúng quy định.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa HĐXX, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng pháp luật, thủ tục bắt đầu phiên tòa được Thẩm phán thực hiện đúng quy định tại Điều 239 BLTTDS.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng, các tài liệu do đương sự cung cấp phù hợp với quy định của pháp luật, đúng quy định tại Điều 70, Điều 71- BLTTDS. Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tung quy định tại Điều 70, 72 - BLTTDS.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 280, 288, 299, 317, 319, 322, 357, 463, 466, 500 - Bộ luật dân sự năm 2015. Căn cứ vào Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, điểm g khoản 1 Điều 179- Lật Đất đai năm 2013; Điều 3 Nghị định số 83/2010/NĐ-CP ngày 23/7/2010 về đăng ký giao dịch bảo đảm. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông A và bà V trả số tiền nợ gốc: 399.942.466đ và lãi suất tính đến ngày xét xử 16/9/2019 gồm: Lãi trong hạn là 46.185.136đ; lãi quá hạn 20.854.550đ; tổng số nợ gốc và lãi là 466.982.152đ (*Bốn trăm sáu mươi sáu triệu chín trăm tám mươi hai nghìn một trăm năm mươi hai đồng*) và lãi suất phát sinh từ ngày 17/9/2019 cho đến khi ông A và bà V trả hết nợ cho ngân hàng. Nếu ông A và bà V không thực hiện việc trả nợ thì ngân hàng có quyền xử lý tài sản của ông A và bà V đã thế chấp cho khoản vay theo quy định của pháp luật.

- Về án phí: Áp dụng khoản 3 Điều 144, Điều 147, 157, 158, 165, 166 BLTTDS; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

quy định về án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, trả lại tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng. Bị đơn phải chịu chi phí thẩm định, định giá tài sản, do ngân hàng đã nộp tạm ứng trước nên ông A và bà V phải có trách nhiệm hoàn trả khoản tiền chi phí thẩm định, định giá tài sản cho ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Ngân hàng TMCP CT; địa chỉ: Tổ 08, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Giang, khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với ông Nguyễn Thế A và bà Nguyễn Thị V; địa chỉ: Tổ 15, phường Minh K, thành phố H, tỉnh Hà Giang, ông A là hộ kinh doanh có chứng nhận ĐKKD theo quy định của pháp luật. Theo quy định tại khoản 1 Điều 30; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang.

Bị đơn ông Nguyễn Thế A, bà Nguyễn Thị V đã bỏ đi khỏi nơi cư trú, không có mặt tại địa chỉ do nguyên đơn cung cấp. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt ông A và bà V theo quy định của pháp luật.

[2]. Về quan hệ tranh chấp: Ngân hàng TMCP CT cho ông A vay số tiền 400.000.000đ (*Bốn trăm triệu đồng*). Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động kinh doanh linh phụ kiện máy vi tính, sửa chữa máy vi tính có mục đích lợi nhuận. Như vậy, xác định tranh chấp Hợp đồng Tín dụng và là tranh chấp kinh doanh thương mại, được quy định tại khoản 1 Điều 30 BLTTDS năm 2015.

[3]. Về nội dung:

[3.1]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ngày 17/8/2017 ông A và bà V cùng ký giấy đề nghị vay vốn phục vụ sản xuất kinh doanh kiêm phương án trả nợ đề nghị Ngân hàng TMCP CT cho vay số tiền 400.000.000đ. Ngày 22/8/2017 ngân hàng TMCP CT và ông A cùng ký hợp đồng tín dụng số 195054/69-NTA/2017-HDCVHM/NHCT195, theo nội dung hợp đồng Ngân hàng cho ông A, bà V vay số tiền 400.000.000đ, thời hạn vay 12 tháng, là loại hợp đồng ngắn hạn, đã được hai bên thỏa thuận bởi những người có đủ thẩm quyền, hình thức nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm, không trái pháp luật đạo đức xã hội. Do vậy, hợp đồng tín dụng nêu trên hợp pháp, có căn cứ pháp lý để các bên thực hiện.

Qúa trình thực hiện hợp đồng tín dụng, Ngân hàng thực hiện đúng nghĩa vụ, giải ngân cho ông A, bà V vay số tiền 400.000.000đ. Ông A và bà V nhận đủ số tiền vay nhưng sau đó không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ đã cam kết. Nay do ông A bà V đã đi khỏi nơi cư trú, trước khi thay đổi địa chỉ nơi cư trú không thông báo cho chính quyền địa phương nơi đang cư trú và ngân hàng CT, biết về việc thay đổi địa chỉ nơi cư trú, cố tình giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Do ông A, bà V vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện ra Tòa án theo các điều

7, 8 của Hợp đồng tín dụng số 195054/69-NTA/2017-HĐCVHM/NHCT195, ngày 22/8/2017 là có căn cứ.

[3.2]. Xét yêu cầu của nguyên đơn đối với khoản nợ gốc: Căn cứ lời khai của đương sự và tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ đã xác định được số tiền nợ gốc Ngân hàng đã giải ngân cho ông A, bà V vay ngày 22/8/2017 là 400.000.000đ, là khoản nợ chung của ông A và bà V. Tính đến ngày 29/3/2019 số dư nợ gốc còn là 399.942.466đ; lãi suất tính đến ngày xét xử 16/9/2019 gồm: Lãi trong hạn là 46.185.136đ; lãi quá hạn 20.854.550đ; tổng số nợ gốc và lãi là 466.982.152đ (*Bốn trăm sáu mươi sáu triệu chín trăm tám mươi hai nghìn một trăm năm mươi hai đồng*). Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của ngân hàng về việc buộc ông A, bà V phải cùng có trách nhiệm trả khoản tiền nợ gốc 399.942.466đ và lãi là có cơ sở chấp nhận.

- Đối với khoản lãi phát sinh tính đến ngày 16/9/2019 gồm: Lãi trong hạn: 46.185.136đ; lãi quá hạn 20.854.550đ. Tổng cộng lãi: 67.039.688đ

Như vậy, cần buộc ông A, bà V phải trả cho ngân hàng các khoản tiền sau: Nợ gốc: 399.942.466đ + lãi trong hạn 46.185.136đ + lãi quá hạn 20.854.550đ = 466.982.152,đ. Kể từ ngày 17/9/2019 ông A, bà V còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong HĐTD số 195054/69-NTA/2017-HDCVHM/NHCT195, ngày 22/8/2017 cho đến ông A bà V thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

[3.3]. Về yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm:

Để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán của ông A bà V. Tại hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 195054/69-NA/2017/HĐTC ngày 22/8/2017 số công chứng 2294. Quyển số 01/2017/TP/CC-SCC/HĐGD. Theo nội dung hợp đồng thế chấp QSDĐ ông A và bà V đã thế chấp tài sản là quyền sử dụng 102,4m^2 đất ở tại đô thị thuộc quyền sử dụng của ông bà tại tổ 15, phường M, TP HG; thửa số 428, tờ bản đồ số 24; đã được cấp giấy chứng nhận QSDĐ số CB081801 ngày 30/5/2017 mang tên ông A và bà V. Giá trị tài sản thế chấp tại thời điểm vay vốn là 580.000.000đ. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất được công chứng và đăng ký bảo đảm theo quy định của pháp luật.

Theo kết quả thẩm định tại chỗ ngày 08/8/2019 của Tòa án cho thấy: Trên thửa đất thế chấp còn có một cây mít. Gía trị tài sản thế chấp tại thời điểm giải quyết vụ án do Hội đồng định giá tài sản thành phố H xác định: Diện tích đất có giá trị: 512.000.000đ; cây mít trồng trên đất là: 220.000đ, tổng số tài sản có giá trị là 512.220.000đ.

Theo nội dung của Hợp đồng thế chấp tài sản nêu trên, tại Điều 5 quy định: "Bên A có quyền xử lý tài sản thế chấp khi xảy ra một trong các sự kiện sau:

Bên B không thực hiện kịp thời, đầy đủ nghĩa vụ được bảo đảm khi đến hạn thanh toán (thời điểm đến hạn theo quy định tại hợp đồng Cấp tín dụng hoặc thời

điểm mà bên A ấn định trong văn bản yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả nợ trước thời hạn do bên vi phạm HĐ cấp tín dụng hoặc hợp đồng này)...”

Như vậy, bên A (Ngân hàng) có quyền xử lý tài sản thế chấp khi bên B (ông A, bà V) vi phạm hợp đồng cấp tín dụng. Trên thực tế do ông A, bà V đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng tín dụng đã ký với ngân hàng nên cần phát mại tài sản thế chấp là đất và cây trồng trên đất. Số tiền phát mại được ưu tiên thanh toán toàn bộ số nợ của ông A, bà V theo HĐ tín dụng, nếu còn thừa sẽ trả lại cho bên thế chấp là ông A bà V, nếu thiếu ông A, bà V phải tiếp tục hoàn thành nghĩa vụ trả nợ. Do vậy, yêu cầu về việc đề nghị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp của ngân hàng nêu ra là có căn cứ chấp nhận.

[5]. Bị đơn ông A và bà V vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, nên không đưa ra được quan điểm, yêu cầu của mình. Do đó, Tòa án không có căn cứ để giải quyết.

[6]. Chi phí thẩm định, định giá tài sản: Yêu cầu thẩm định, định tài sản của Ngân hàng là có căn cứ, nên ông A và Bà V phải chịu chi phí thẩm định, định giá tài sản theo quy định của pháp luật. Do Ngân hàng đã nộp tạm ứng chi phí thẩm định, định giá tài sản nên buộc ông A bà V phải hoàn trả số tiền 2.000.000đ chi phí thẩm định, định giá cho ngân hàng TMCP CT - Chi nhánh H.

[4]. Về án phí: Căn cứ khỏa 3 Điều 144, Điều 147 BLTTDS; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án; ý c mục 1.4 phần II danh mục án phí, lệ phí Tòa án. Buộc ông A bà V phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật, trả lại cho Ngân hàng tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144, Điều 147, 157, 158, 165,166, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ vào các điều 280, 288, 299, 317, 318, 319, 322, 357, 463, 466, 500 - Bộ luật dân sự năm 2015; áp dụng vào điểm g khoản 1 Điều 179 Luật đất đai năm 2013; áp dụng Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; căn cứ vào Điều 3 NĐ số 83/NĐ-CP ngày 23/7/2010 của Chính phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm; căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; ý c mục 1.4 phần II danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP CT - Chi nhánh H về việc yêu cầu ông Nguyễn Thế A và bà Nguyễn Thị V cùng liên đới trả số tiền vay nợ và lãi suất theo hợp đồng tín dụng số HĐTD số 195054/69-NTA/2017-HDCVHM/NHCT195, ngày 22/8/2017.

Xử: Buộc ông Nguyễn Thế A và bà Nguyễn Thị V phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Ngân hàng TMCP CT - Chi nhánh H, số tiền nợ tính đến ngày 16/9/2019 nợ gốc là 399.942.466đ; lãi suất trong hạn là 46.185.136đ; lãi suất quá hạn 20.854.550đ; tổng số nợ gốc và lãi là 466.982.152đ (*Bốn trăm sáu mươi sáu triệu chín trăm tám mươi hai nghìn một trăm năm mươi hai đồng)*.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 17/9/2019)cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

Trường hợp ông A và bà V không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ đối với ngân hàng TMCP CT- Chi nhánh H thì ngân hàng có quyền đề nghị cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm để thực hiện nghĩa vụ trả nợ của ông A và bà V đối với ngân hàng TMCP CT- Chi nhánh H đó là: Quyền sử dụng diện đất 102,4m^2 thửa số 428, tờ bản đồ số 24; phía Nam giáp đường bê tông dân sinh rộng 4m; phía Bắc giáp đất nhà ông K chiều rộng đoạn (1) là 6,28m, đoạn (2) là 1,8m; phía Đông giấp đất nhà ông T dài 13,4m; phía Tây giáp thửa số 419 dài 17,65m; tổng diện tích đất 102,4m^2; thửa đất số 428, tờ bản đồ địa chính số 12; theo giấy chứng nhận QSDĐ số CB081801 ngày 30/5/2017 cấp cho ông A và bà V; địa chỉ thửa đất: Tổ 15, phường M, TP H tỉnh Hà Giang và cây trồng có trên đất 01 cây mít (*có sơ đồ chi tiết kèm theo*). Số tiền phát mại tài sản bảo đảm được ưu tiên thanh toán cho toàn bộ khoản nợ của ông A bà V theo hợp đồng tín dụng số 195054/69-NTA/2017-HDCVHM/NHCT195, ngày 22/8/2017, nếu còn thừa sẽ được trả lại cho bên thế chấp là ông A và bà V, nếu thiếu ông A bà V phải tiếp tục hoàn thành nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng TMCP CT- Chi nhánh H.

2. Về chi phí Thẩm định: Buộc ông A và bà V cùng phải chịu toàn bộ chi phí thẩm định, định giá tài sản là 2000.000đ. Do Ngân hàng TMCP CT- Chi nhánh H đã nộp tạm ứng số tiền này, nên ông A và bà V anh phải có trách nhiệm hoàn trả lại cho Ngân Hàng TMCP CT - Chi nhánh H số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng) tạm ứng chi phí thẩm định định giá.

3. Về án phí:

- Ông A, bà V phải liên đới chịu tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch là 22.679.286đ (*Hai mươi hai triệu sáu trăm bảy mươi chín nghìn hai trăm tám mươi sáu đồng*)

- Trả lại cho Ngân hàng TMCP CT - Chi nhánh H số tiền tạm ứng án phí 10.797.000 (*Mười triệu bảy trăm chín mươi bảy nghìn đồng*) đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H theo biên lai số 01186 ngày 12/4/2019 (do bà Nguyễn Thị H nộp thay).

Án xử công khai sơ thẩm báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án./.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hánh án dân sự có quyền thoả thuận Thi hành án, quyền yêu cầu Thi hành án, tự nguyện Thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự: Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-VKSND TP. H;
- Các đương sự;
- C.C THADS TP. H;
- Lưu HS;
- Lưu bộ phận.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Lê Thị Thanh Bình